

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HSST
Ngày 11/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Minh Giang

2. Ông Hoàng Đức Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/HSST, ngày 16/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST ngày 28/10/2020 đối với bị cáo: Lô Văn S, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1984. Tại C, huyện T, tỉnh C.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh C; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Lô Văn C (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1952; Anh chị em ruột: Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Triệu Thị Y; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: 01 (một)

- Ngày 18/12/2019 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Hiện nay bị cáo Lô Văn S đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh C - Có mặt.

Các bị hại:

Lô Văn V - Sinh năm 1976

Lê Như V - Sinh năm 1962

Cùng trú tại: T, xã C, huyện T, tỉnh C;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trương Văn T, sinh năm 1994
Trú tại: K, xã L, huyện H, tỉnh C;

- Người làm chứng:

Hoàng Đức D - Sinh năm 1963, trú tại: T, xã C, huyện T, tỉnh C.

Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 khoảng 13 giờ Lô Văn S đến nhà anh trai ruột là Lô Văn V để xin đá lạnh uống nước. Đến nơi thấy trong phòng khách không có ai, chỉ nghe thấy trong phòng ngủ có tiếng trẻ em khóc, Lô Văn S nhìn thấy trên bàn uống nước có một chiếc điện thoại cảm ứng màu trắng, xám đang sạc, nên S nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên, Lô Văn S đến rút dây sạc lấy chiếc điện thoại rồi nhanh chóng rời khỏi nhà anh V, S đi bộ theo hướng ra thành phố C. Trên đường đi S tắt nguồn điện thoại và cho vào túi quần, đi được một đoạn thì gặp ông Hoàng Đức D đang đi chiếc xe máy BKS: 11 X1 – 001.65, thì S mượn chiếc xe máy ông D đi đến cửa hàng mua bán điện thoại H (nay là N), trên đường đi S mở nguồn điện thoại kiểm tra máy, thấy điện thoại không có mặt khóa, S tháo Sim và ốp ngoài vứt đi và S đã bán chiếc điện thoại trên cho cửa hàng N với giá 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán được tiền S đi đến khu vực đường rẽ vào trường Trung cấp y C, thuộc phường T, thành phố C, lấy số tiền 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng) mua 05 (Năm) tép Heroine với một người đàn ông không quen biết, dáng người thấp bé, khoảng 40 – 50 tuổi, rồi đi đến khu vực đối diện bệnh viện đa khoa tỉnh C đem 02 (Hai) tép Heroine ra sử dụng bằng hình thức chích vào tay. Trên đường về nhà khi đến địa phận P, xã L, S tiếp tục sử dụng thêm 01 tép Heroine nữa rồi mới đem xe về trả cho Hoàng Đức D. Đến chiều tối cùng ngày S sử dụng hết số ma túy còn lại.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T xác định được vào khoảng tháng 3 năm 2020, Lô Văn S và Trương Văn T cùng nhau lấy trộm 01 (một) tổ ong mật của gia đình ông Lê Như V. Khi đó Lô Văn S đang lao động tại Trường trung học phổ thông C thì Trương Văn T gọi điện hỏi có tổ ong mật nào không, nếu có thì đi ăn trộm bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng, S nói biết, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, S chỉ cho T vị trí tổ ong mật của ông Lê Như V đặt cạnh sau nhà, T dùng đèn pin điện thoại để soi đường lấy trộm tổ ong mật, S đứng ở ngoài đường đợi. T dùng lá cây bịt đường ra, vào của tổ ong mật, rồi bê tổ ong mật ra chỗ S đang đứng chờ và dùng áo mưa bọc bên ngoài tổ ong. Sau đó cả hai đi xe máy chở tổ ong đi bán cho ông Phan Văn K được 430.000,đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng). S và T đi mua 04 (Bốn) tép Heroine hết 400.000,đ (Bốn trăm nghìn đồng) tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh C với một người đàn ông, dáng người thấp bé, khoảng 40 tuổi không rõ lai lịch. Trên đường về đến khu vực P, xã L, huyện H, tỉnh C, cả hai cùng nhau sử dụng, S giữ lại khoảng gần 01 tép ma túy còn thừa sau đó T đưa S về nhà, số ma túy còn lại sáng ngày hôm sau S sử dụng hết.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 11 đối với tổ ong mật của ông Lê Như V. Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KL-ĐGTS, ngày 24/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T, kết luận: Tổng giá trị tổ ong mật là 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 16 đối với chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME của anh Lô Văn V. Tại bản kết luận số: 15/KL-ĐGTS ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị còn lại của chiếc điện thoại trên là 1.715.200,đ (Một triệu bảy trăm mười năm nghìn hai trăm đồng).

Trong quá trình đang được tại ngoại để phục vụ công tác điều tra thì ngày 17/8/2020 Lô Văn S bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C bắt quả tang về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay vụ án đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Đối với 02 người đàn ông đã bán ma túy cho Lô Văn S, vào đầu tháng 3 năm 2020 và ngày 08/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với Công an phường T, thành phố C tiến hành xác minh tuy nhiên không xác định được 02 đối tượng này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Trương Văn T là đối tượng nghiện ma túy, T chưa có tiền án, tiền sự. Hành vi trộm cắp tài sản của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên đã phạm vào Điểm a, khoản 1, Điều 15 – Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, nên Công an huyện T, tỉnh C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên đối với Trương Văn T.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trương Văn T và Lô Văn S diễn ra tại P, xã L, huyện H, tỉnh C. Công an huyện T đã thông báo cho Công an xã L, huyện H biết về hành vi của các đối tượng để Công an xã L, huyện H xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 10/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định xử lý vật chứng số: 05 Trả lại chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME cho anh Lô Văn V. Vật chứng còn lại là vỏ ngoài tổ ong mật (thùng gỗ tạp) đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện T theo quy định.

Các bị hại:

Lô Văn V trình bày: Ngày 08/6/2020 gia đình tôi bị mất trộm 01 (một) chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME. Do Lô Văn S là em trai ruột tôi lấy trộm và đem đi bán tại cửa hàng điện thoại H (nay là N) được 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng). Tôi (V) đã đưa cho Lô Văn T 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) để T đi cùng S chuộc lại chiếc điện thoại mà S đã trộm của gia đình tôi (V). Đối với chiếc điện thoại, ngày 10/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định xử lý vật chứng số: 05 Trả lại chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME cho tôi (Lô Văn V). Còn đối với số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tôi (V) không yêu cầu S trả cho tôi và tôi cũng không yêu cầu S bồi thường gì.

Lê Như V trình bày: Ngày 16/3/2020 tôi (V) bị mất 01 (một) tổ ong mật nhưng không phát hiện ai là người lấy trộm. Đến ngày 21/3/2020 tôi (V) nhận được điện thoại của ông Phan Văn K trú tại Tổ 5, phường H, thành phố C, tỉnh C điện cho tôi là mua được 01 (Một) tổ ong mật do hai thanh niên bán cho vào ngày 05/3/2020, nhận được điện thoại tôi đến nhà ông Kn xem có phải tổ ong mật của gia đình tôi không, sau khi xem xét thì đúng là tổ ong mật của gia đình tôi bị mất trộm và ông K cho biết trong hai thanh niên đến bán tổ ong mật có một người tên là T trú tại N, xã L, huyện H. Do vậy tôi trình báo với cơ quan Công an. Trong quá trình điều tra xác định tổ ong mật của gia đình tôi do Lê Văn S cùng Trương Văn T đã lấy trộm. Nay tôi yêu cầu bị cáo Lô Văn S cùng Trương Văn T bồi thường tổ ong mật cho gia đình tôi với số tiền là 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra ông V không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trương Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, T đều thừa nhận được cùng Lô Văn S trộm tổ ong mật của ông Lê Như V đem bán được 430.000,đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng), số tiền bán tổ ong mật S cùng T đã mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Tại phiên tòa ông V yêu cầu T phải có trách nhiệm liên đới cùng S bồi thường tổ ong mật cho ông với số tiền là 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Trương Văn T nhất trí.

Vật chứng, tài sản:

01 (Một) thùng bằng gỗ (gỗ tạp), có nắp đậy bằng gỗ có kích thước cả nắp là 53 x 32,6 x 30 cm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lô Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 19/CT-VKS - TA, ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử: Về điều luật căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lô Văn S từ 15 tháng đến 18 tháng tù.
- Đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) thùng bằng gỗ (gỗ tạp), có nắp đậy bằng gỗ có kích thước cả nắp là 53 x 32,6 x 30 cm.
- Về bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lô Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Văn T phải liên đới bồi thường cho bị hại Lê Như V theo quy định của pháp luật.
- Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác

không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2020, Lô Văn S đến nhà anh Lô Văn V để xin đá lạnh thì thấy chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME của anh Lô Văn V đang sạc, nên bị cáo S đã lấy trộm đem đi bán lấy 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng), số tiền bán điện thoại S mua ma túy về để sử dụng hết. Trước đó vào tháng 3 năm 2020 Lô Văn S cùng Trương Văn T trộm một tổ ong mật của ông Lê Như V đem bán được 430.000,đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng), S và T đi mua ma túy được 04 (Bốn) tép Heroine hết 400.000,đ (Bốn trăm nghìn đồng), trên đường về đến khu vực P, xã L, huyện H, tỉnh C hai người cùng nhau sử dụng.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 11 đối với tổ ong mật của ông Lê Như V. Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KL-ĐGTS, ngày 24/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T, kết luận: Tổng giá trị tổ ong mật là 1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 16 đối với chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME của anh Lô Văn V. Tại bản kết luận số: 15/KL-ĐGTS ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị còn lại của chiếc điện thoại trên là 1.715.200,đ (Một triệu bảy trăm mười năm nghìn hai trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản hai lần trộm cắp của Lô Văn S là 2.915.200,đ (Hai triệu chín trăm mười năm nghìn hai trăm đồng).

Trước đó vào ngày 18/12/2019 Lô Văn S bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch An xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 10/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch An có Quyết định xử lý vật chứng số: 05 Trả lại chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME cho anh Lô Văn V

Do vậy hành vi của bị cáo Lô Văn S có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 19/CT-VKSTA, ngày 14/10/2020 của VKSND huyện Thạch An tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Lô Văn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý

tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Lô Văn S là người có nhân thân xấu, là người sử dụng ma túy. Ngày 21/7/2017 bị Công an huyện T lập hồ sơ đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc đến năm 2019 mới trở về địa phương.

Tiền sự: Ngày 18/12/2019 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi ngoài xã hội, một thời gian nhất định mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo, để bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với 02 gười đàn ông đã bán ma túy cho Lô Văn S, vào đầu tháng 3 năm 2020 và ngày 08/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với Công an phường T, thành phố C tiến hành xác minh tuy nhiên không xác định được 02 đối tượng này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Trương Văn T là đối tượng nghiện ma túy, T chưa có tiền án, tiền sự. Hành vi trộm cắp tài sản (Tổ ong mật) của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên đã phạm vào Điểm a, khoản 1, Điều 15 – Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, nên Công an huyện T, tỉnh C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên đối với Trương Văn T.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trương Văn T và Lô Văn S diễn ra tại Pác K, xã L, huyện H, tỉnh C. Công an huyện T đã thông báo cho Công an xã L, huyện H biết về hành vi của các đối tượng để Công an xã L, huyện H xử lý theo thẩm quyền.

Đối với chiếc điện thoại, ngày 10/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định xử lý vật chứng số: 05 Trả lại chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXYJ7 PRIME cho anh Lô Văn V. Còn đối với số tiền 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) mà anh V đã đưa cho S đi chuộc điện thoại nay anh V không yêu cầu S trả và cũng không yêu cầu S bồi thường gì.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trương Văn T là người cùng Lô Văn S thực hiện hành vi trộm cắp tổ ong mật của ông Lê Như V. Do vậy Trương Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tổ ong mật cho ông Lê Như V.

Tại phiên tòa bị hại Lê Như V yêu cầu bị cáo Lô Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Văn T trả bằng tiền đối với tổ ong mật của gia đình ông mà S và T đã trộm đem bán với số tiền là:1.200.000,đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra ông V không yêu cầu Lô Văn S và Trương Văn T bồi thường gì thêm. Với yêu cầu bồi thường của ông V Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ pháp luật cần được bảo vệ.

[5] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng, Bồi thường dân sự là có căn cứ pháp luật.

[6] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[7] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo xin lỗi các bị hại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lô Văn S phải bồi thường tổ ong mật cho ông Lê Như V với số tiền là 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Văn T phải có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Lô Văn S bồi thường tổ ong mật cho ông Lê Như V với số tiền là 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng).

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Tuyên bố:

Bị cáo Lô Văn S - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lô Văn S - 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 17 tháng 8 năm 2020.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584; 585; 586; 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Buộc:

Bị cáo Lô Văn S phải bồi thường bằng tiền đối với tổ ong mật cho ông Lê Như V, địa chỉ: T, xã C, huyện T, tỉnh C là 600.000,đ, (Sáu trăm nghìn đồng) tiền VNĐ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trương Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường bằng tiền đối với tổ ong mật cho ông Lê Như V, địa chỉ: T, xã C, huyện T, tỉnh C là 600.000,đ, (Sáu trăm nghìn đồng) tiền VNĐ.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; Nếu

không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) thùng bằng gỗ (gỗ tạp), có nắp đậy bằng gỗ có kích thước cả nắp là 53 x 32,6 x 30 cm.

Xác nhận số vật chứng hiện đang được tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/10/2020 giữa Công an huyện T và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T và sẽ được đưa ra thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lô Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Lý Minh Giang

Hoàng Đức Anh

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

